TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2026/DS-ST
Ngày: 14-5-2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thưa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Tấn Thanh;

2. Bà Bùi Thị Thu Nhi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trạng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 540/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2026/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 206/2026/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S;

Địa chỉ: số B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hào Q – Chức vụ: Trưởng phòng G – Chi nhánh Đ;

(Theo văn bản ủy quyền số 4037/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024 của Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP S);

Đại diện theo ủy quyền lại: Bà Trần Song Hạ Q1 – Chức vụ: Phó Trưởng phòng G - chi nhánh Đ (xin vắng mặt).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 17/3/2026).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Ngọc P, sinh năm: 1982; CCCD số: 082182014683; Địa chỉ: số D Đ, phường Đ, tỉnh ĐồngTháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:

Ngày 08/12/2023 Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) và chị Trần Thị Ngọc P ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số: 3059222 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của chị P, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho chị Trần Thị Ngọc P thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, theo đó Ngân hàng cho chị P vay số tiền trên với thời hạn thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn tại thông báo giao dịch. Nếu ngày đến hạn rơi vào ngày nghỉ, lễ theo quy định pháp luật hoặc thông báo của S1, ngày đến hạn thực hiện theo thông báo của S1 trong từng thời kỳ; phương thức trả nợ có thể nộp tiền mặt, chuyển khoản hoặc thông qua trích nợ tự động; lãi suất trong hạn được công bố theo biểu phí trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn, khoản vay tín chấp, không có tài sản đảm bảo.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, chị P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.308.000 đồng. Tính đến ngày 05/4/2025 chị P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 19.570.440 đồng, trong đó: thanh toán vốn là 8.025.168 đồng, thanh toán lãi là 11.545.272 đồng thì ngưng không trả tiếp cho đến nay. Như vậy, đến ngày 14/5/2026 chị P còn nợ Ngân hàng vốn là 57.108.070 đồng và lãi theo hợp đồng là 24.720.740 đồng.

Do quyền lợi bị xâm phạm nên Ngân hàng yêu cầu chị P trả số tiền 81.828.810 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật. Sau ngày 14/5/2026 nếu chị P chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

** Bị đơn chị Trần Thị Ngọc P vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn có đơn khởi kiện đối với chị P. Bị đơn có nơi cư trú tại phường Đ nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện chị P để tranh chấp tiền nợ thẻ tín dụng, nên quan hệ pháp luật là tranh chấp "Hợp đồng tín dụng".

[3]. Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị P vắng mặt không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ.

Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu chị P phải trả số tiền vốn 57.108.070 đồng và lãi tạm tính đến ngày 14/5/2026 là 24.720.740 đồng, tổng cộng vốn và lãi phải trả là 81.828.810 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay tiền giữa Ngân hàng và chị P là có thật, thể hiện vào giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 3059222 ngày 08/12/2023 mà hai bên đã ký kết. Theo hợp đồng hai bên đã giao kết, Ngân hàng cấp cho chị Trần Thị Ngọc P thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, theo đó Ngân hàng cho chị P vay số tiền trên với thời hạn thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn tại thông báo giao dịch. Nếu ngày đến hạn rơi vào ngày nghỉ, lễ theo quy định pháp luật hoặc thông báo của S1, ngày đến hạn thực hiện theo thông báo của S1 trong từng thời kỳ; phương thức trả nợ có thể nộp tiền mặt, chuyển khoản hoặc thông qua trích nợ tự động; lãi suất trong hạn được công bố theo biểu phí trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay tiêu dùng cá nhân theo hình thức tín chấp, không có tài sản đảm bảo.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, chị P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.308.000 đồng. Tính đến ngày 05/4/2025 chị P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 19.570.440 đồng, trong đó: thanh toán vốn là 8.025.168 đồng, thanh toán lãi là 11.545.272 đồng thì ngưng không trả tiếp cho đến nay, không trả nợ tiếp tục cho Ngân hàng. Do đó, chị P là người vi phạm nghĩa vụ phải thanh toán nợ theo thỏa thuận cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự, nên Ngân hàng khởi kiện chị P để yêu cầu trả hết số nợ vốn và lãi với số tiền 81.828.810 đồng là có cơ sở.

Bị đơn chị P đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng chị vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy chị P đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Việc cố tình vắng mặt là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc chị Trần Thị Ngọc P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng cộng số tiền nợ là 81.828.810 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 15/5/2026, chị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 3059222 ngày 08/12/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Buộc chị Trần Thị Ngọc P phải chịu 2.046.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.451.396 đồng theo biên lai thu tiền số 0008159 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- VKSND KV1;
- THADS tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TAND KHU VỰC 1

ZY4180526.TL.QDBA
1651

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Thưa